TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 637/2024/HC- PT
Ngày: 28/11/2024

NHÂN DANH
N CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng*;*

Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 405/2024/TLPT-HC ngày 16 tháng 9 năm 2024 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính" do có kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12786/2024/QĐPT-HC ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

* ***Người khởi kiện***: Ông Phạm Văn N; địa chỉ: xóm K, phường TS, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 46, đường NTT, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố VY, Ủy ban nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Trụ sở UBND thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn Q- Phó Chủ tịch UBND thành phố VY; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Trụ sở UBND tỉnh Vĩnh Phúc do ông Hoàng Xuân H1– Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - đại dện theo ủy quyền; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

2. Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc do ông Nguyễn Thanh H2– Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - đại dện theo ủy quyền; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Trụ sở Ủy ban nhân dân phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc do ông Nguyễn Thanh B2- Chủ tịch Phường đại diện; vắng mặt.

4. Công ty TNHH KL; địa chỉ: số 53, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thụy V1 – Giám đốc công ty; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Gia đình ông Phạm Văn N là chủ sử dụng đối với diện tích 1.092m^2 đất nông nghiệp, địa chỉ tại: Tổ dân phố Trại Giao, phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất trên là đất khai hoang.

Từ năm 1978, ông Phạm Văn Â (là bố ông N đã chết năm 2009) vào khu vực Đồng Gục - Núi Đinh, nay thuộc phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc để làm bảo vệ đồng cho các hộ nông dân của phường TS canh tác. Trong thời gian đó, ông Â có khai hoang phục hóa đất để canh tác trồng lúa với mục đích phát triển kinh tế cho gia đình. Năm 1990, do tuổi cao sức yếu nên ông Â đã cho ông N quản lí, sử dụng toàn bộ diện tích nêu trên. Thời gian đầu ông N sử dụng đất để canh tác trồng lúa. Đến năm 2000, ông N trồng thêm cây ăn quả phục vụ cho việc phát triển kinh tế gia đình. Từ trước đến nay, gia đình ông N sử dụng ổn định, không tranh chấp với bất kì cá nhân, tổ chức nào.

Ngày 04/11/2022, ông N nhận được Quyết định về xử phạt vi phạm hành chính số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố VY về hành vi:

"[...]2. Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng bộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị với diện tích 1.092,0^2 (=0,1092ha) để sử dụng. Trên phần diện tích đất chiếm hiện có 01 nhà ở cấp 4 với diện tích 30m^2, 01 chuồng chăn nuôi với diện tích 77m^2, cây trồng và tường bao quanh. Tại thửa đất số 47, Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 Thu hồi đất công ty TNHH KL tại phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo Quyết định 1992/QĐ- UBND ngày 29/08/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)."

Ngày 24/11/2022, ông Phạm Văn N tiếp tục nhận được Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3631/QĐ-CCXP ngày

23/11/2022 của Phó chủ tịch UBND thành phố VY để đảm bảo thi hành Quyết định số 3421/QĐ-XPVP ngày 04/11/2022 của Phó chủ tịch UBND thành phố VY Đào Văn Qvề việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của người khởi kiện.

Ngày 03/4/2023, Chủ tịch UBND thành phố VY ban hành Quyết định số 765/QĐ-ĐC nội dung đính chính Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY với lý do: "Do sai sót về kỹ thuật soạn thảo". Quyết định này đã vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định, cụ thể là vi phạm hình thức ban hành quyết định hành chính. Theo quy định tại điểm b, khoản 1, 3 Điều 13 Nghị định số 118/2021X/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính, trường hợp vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định thì người đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định. Quyết định vi phạm về thẩm quyền ban hành không thuộc trường hợp được đính chính quyết định. Do đó, ông N đã có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tuyên hủy quyết định đính chính này.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, Chủ tịch UBND thành phố VY ban hành Quyết định số 1437/QĐ-SĐBSHB về nội dung hủy bỏ một phần Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY. Ngày 22/6/2023, ông Phạm Văn N nhận được Quyết định số: 1437/QĐ-SĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023 về việc hủy bỏ một phần Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY, trong đó: Hủy bỏ điểm b khoản 5 Điều 1 Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY. Cụ thể: Hủy bỏ biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 6.660.126 đồng.

Nhận thấy, việc Phó chủ tịch UBND thành phố VY ban hành các Quyết định nêu trên là không đúng, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Phạm Văn N. Vì:

Theo Quyết định số 3631/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Phó Chủ tịch UBND thành phố VY, ông N đã có hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng bộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị với diện tích 1.092,0 m^2 (= 0,1092 ha) để sử dụng. Trên phần diện tích đất chiếm hiện có 01 nhà ở cấp 4 với diện tích 30m^2, 01 chuồng chăn nuôi với diện tích 77m^2, cây trồng và tường bao quanh. Tại thửa đất số 47, Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 thu hồi đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) KL tại phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên toàn bộ diện tích 1.092,0m^2 (0,1092ha) của gia đình ông N đang sử dụng tại Tổ dân phố (TDP) Trại Giao, phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc có nguồn gốc do bố ông N khai hoang từ năm 1978. Trên thửa đất này, gia đình ông N đã cải tạo, xây dựng một số công trình trên đất và sử dụng ổn định để canh tác nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình.

Toàn bộ quá trình sử dụng từ năm 1978 đến nay, gia đình ông N sử dụng ổn định, không bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở và xử phạt vi phạm hành chính.

Đối chiếu mẫu Quyết định số 02 trong mục Phụ lục của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính thì hai quyết định số 4321/QĐ-XPHC và số 3631/QĐ-CCXP do Phó chủ tịch UBND thành phố ban hành vi phạm về hình thức ban hành quyết định hành chính. Thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là Chủ tịch UBND thành phố VY, trường hợp vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định thì người đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định. Quyết định vi phạm về thẩm quyền ban hành không thuộc trường hợp được đính chính quyết định.

Nay ông Phạm Văn N khởi kiện với yêu cầu hủy các Quyết định sau:

- Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 26/10/2022 của Phó chủ tịch UBND thành phố VY về xử phạt vi phạm hành chính.

- Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Phó chủ tịch UBND thành phố VY cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Quyết định số 765/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố VY đính chính Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 26/10/2022 và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY ban hành ngày 03/4/2023.

Về việc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 6.660.126 đồng theo Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 là không đúng nay Chủ tịch UBND thành phố VY đã hủy theo Quyết định số 1437/QĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023 người khởi kiện đề nghị giải quyết theo pháp luật.

**** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố VY vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung:***

Ngày 31/01/1997, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB v/v thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường Liên Bảo và xã KQ, thị xã VY để giao cho Công ty TNHH KL trồng mía theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt (trong đó có 90,06 ha đất thuộc xã KQ nay là phường KQ) có Bản đồ Quy hoạch giao đất trồng mía Công ty TNHH KL.

Ngày 04/3/1997, Sở Địa chính Vĩnh Phúc, Phòng Địa Chính VY, Phòng Tài chính VY, Tổ Nông nghiệp thị xã VY, UBND xã KQ đã tiến hành bàn giao mốc giới tại thực địa diện tích đất 90,06 ha tại Xã KQ cho Công ty TNHH KL.

Ngày 08/3/1997, UBND thị xã VY, UBND xã KQ, Công ty TNHH KL đã làm việc về nội dung đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,06 ha đất thu hồi theo Quyết định 169/QĐUB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 13/3/1997 của UBND thị xã VY (nay là thành phố VY) đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UB về việc phê duyệt giá đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,06 ha thu hồi tại địa điểm xã KQ.

Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Về việc thu hồi đất của Công ty TNHH KL do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường: ĐT, Liên Bảo và KQ, thành phố VY.

Năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc lập Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 thu hồi đất Công ty TNHH KL tại phường KQ (Đo đạc theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc), xác định thửa đất ông Phạm Văn N đang sử dụng là thửa đất số 47, diện tích 1092 m^2, loại đất: đất trồng cây lâu năm (CLN).

Về trình tự, thủ tục thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn N:

Ngày 26/10/2022, UBND phường KQ có lập Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và UBND phường TS có Văn bản số 432/CV-UBND.

Ngày 27/10/2022, UBND phường KQ thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 94/BB-VPHC ngày 27/10/2022.

Ngày 28/10/2022, Chủ tịch UBND phường KQ có Tờ trình số 280/TTr-UBND ngày 28/10/2022 về việc đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đối chiếu với quy định tại Điều 38, Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên N và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 về xử lý vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn N.

Ngày 05/11/2022, UBND phường KQ bàn giao Quyết định số 3421/QĐ-XPHC về xử lý vi phạm hành chính cho ông Phạm Văn N.

Hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 nhưng ông Phạm Văn N không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường KQ có Tờ trình số 334/TTr- UBND trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3631/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N.

Do đó việc Chủ tịch UBND thành phố VY ban hành Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, do sơ xuất trong quá trình soạn thảo đã ghi nhầm phần thẩm quyền ban hành quyết định, cụ thể: Tại phần ghi về "THẨM QUYỀN BAN HÀNH" của Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 theo quy định phải ghi là "CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VY" nhưng quyết định lại ghi là "PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VY". Sau khi phát hiện có sai sót trong quá trình tham mưu soạn thảo 02 quyết định nêu trên, căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/11/2021 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 765/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 về việc Đính chính Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY.

Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND thành phố VY nhận thấy căn cứ quy định tại khoản 10, Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 Chính phủ quy định thì ông Phạm Văn N không phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 6.660.126 đồng. Do vậy, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 1437/QĐ-SĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023 về việc hủy bỏ một phần Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY, trong đó: Hủy bỏ điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY, cụ thể: Hủy bỏ biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 6.660.126 đồng. Các nội dung khác tại Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY được giữ nguyên.

Nay người bị kiện có quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Đại diện UBND tỉnh Vĩnh Phúc vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện nội dung:

Về việc giao đất cho Công ty TNHH KL: Năm 1997 UBND tỉnh Vĩnh Phúc có các Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 24/2/1997 về việc phê duyệt dự án

khả thi đầu tư mở rộng vùng mía 2 năm 1997-1998 và Quyết định số 868/QĐ-UB ngày 24/7/1997 về việc phê duyệt dự án trồng cây ăn quả tập trung giai đoạn 1997-1999 của Công ty TNHH KL. Công ty TNHH KL được UBND tỉnh Vĩnh Phú (cũ) và UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao 140,547 ha đất thuộc phường, xã: Liên Bảo, KQ và ĐT, thành phố VY để thực hiện dự án trồng mía, sau đó chuyển sang trồng cây ăn quả tại 02 quyết định:

+ Quyết định số 2140/QĐ-UB ngày 07/11/1995 của UBND tỉnh Vĩnh Phú (cũ), giao 244.750 m^2 (24,475 ha) đất đồi lâm nghiệp tại đồi Gẩy, xã ĐT, thị xã VY, thời hạn 20 năm (1995-2015); Biên bản giao mốc giới đất tại thực địa ngày ngày 23/11/1995.

+ Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, giao 116,072 ha đất rừng trồng thuộc phường Liên Bảo và đất lâm nghiệp tại xã KQ, thị xã VY cho Công ty TNHH KL trồng mía và sản xuất nông, lâm kết hợp, thời hạn 18 năm (1997-2015), trong đó tại phường Liên Bảo là 26,012 ha, xã KQ là 90,06 ha. Biên bản bàn giao mốc giới tại thực địa phường KQ ngày 4/3/1997.

Như vậy, việc giao đất cho Công ty TNHH KL phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 24 Luật Đất đai năm 1993.

Quá trình biến động đất đai và việc thu hồi đất của Công ty TNHH KL: Do các yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có 07 quyết định thu hồi với diện tích 31,47 ha đất đã giao cho Công ty TNHH KL để giao cho các tổ chức khác sử dụng. Trong đó tại phường KQ: thu hồi và giao xây dựng bãi rác: 9374m^2 (0,9374ha); thu hồi và giao đất cho Công ty Chuyển giao công nghệ và xử lý môi trường Môi trường đô thị: 5.850m^2 (0,59ha); thu hồi giao UBND TX VY quản lý (UBND VY giao hộ ông Trần Văn Mùi): 10,5ha; Diện tích còn lại theo hồ sơ thu hồi từ Công ty TNHH KL: 78,0376 ha.

Trong quá trình sử dụng đất của Công ty TNHH KL, từ năm 2002 cho đến nay các cơ quan nhà N đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty TNHH KL. Các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai của Công ty TNHH KL và hộ gia đình, cá nhân được Công ty giao quyền sử dụng đất diễn ra trong thời gian dài, các sai phạm đó của Công ty TNHH KL đã được chỉ ra và kiến nghị xử lý qua mỗi lần các cơ quan nhà nước thực hiện thanh, kiểm tra.

Theo kết luận của Đoàn Thanh tra liên ngành *(được thành lập theo Quyết định số 3233/QĐ-CT ngày 27/11/2012 và số 3714/QĐ-CT ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)* đã xác định quá trình sử dụng đất được giao, Công ty TNHH KL không thực hiện triển khai dự án theo đúng quyết định của UBND tỉnh về giao đất và phê duyệt dự án; sử dụng đất kém hiệu quả, sai mục đích; cố ý hủy hoại đất; tự ý chuyển nhượng QSD đất, giao đất cho người khác sử dụng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép vi phạm pháp luật về đất đai được quy định tại Điều 78^b Luật Đất đai sửa đổi năm 1998 và năm 2001; khoản 3, 4 Điều 38 và khoản 2, Điều 109 Luật Đất đai 2003.

Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 1870/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/9/2016 kiến nghị UBND tỉnh đồng ý chủ trưởng thu hồi đất

đối với khu đất Công ty TNHH KL (được giao để thực hiện dự án trồng mía tại các Quyết định số 2140/QĐ-UB ngày 7/11/1995 và Quyết định 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997) và được UBND tỉnh chấp thuận, chỉ đạo thực hiện tại Văn bản số 9384/UBND-NN2 ngày 26/12/2016. Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 19/TB-UBND ngày 16/02/2017 thông báo thu hồi đất do hết hạn sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các phường: ĐT, Liên Bảo và KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc. Kể từ thời điểm UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất, Công ty TNHH KL không có kiến nghị bằng văn bản về chủ trương thu hồi đất của UBND tỉnh. Tiếp đó, ngày 08/12/2017, Sở TNMT đã có Tờ trình số 624/TTr-STNMT trình UBND tỉnh thu hồi diện tích đất còn lại của Công ty TNHH KL do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn. Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty TNHH KL. Tại Điều 1 Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh có nêu: diện tích thu hồi thực tế sẽ được đo đạc lại để đảm bảo tính chính xác.

Thực hiện theo nhiệm vụ, Văn phòng Đăng ký đất đai đã hoàn thành việc đo đạc, có xác nhận đo vẽ phù hợp với hiện trạng của UBND xã ĐT, UBND phường Liên Bảo, UBND phường KQ và xác nhận của Công ty TNHH KL là ông Đường Ngọc Sơn, theo đó diện tích thu hồi được xác định chính xác là 77,75ha. Trong đó: Diện tích tại phường ĐT là 12,44ha; tại phường Liên Bảo là 14,25 ha; tại phường KQ là 51,06 ha. Kết quả đo đạc hiện trạng đã được Sở Tài nguyên và môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại Tờ trình số 500/TTr-UBND ngày 06/12/2021.

Như vậy, việc UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH KL do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường: ĐT, Liên Bảo và KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc là phù hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai 2013. Quan điểm của UBND tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi các bên theo quy định.

- Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện nội dung:

Sau khi UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 thu hồi đất của Công ty TNHH KL và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, trong đó có đất thuộc phường KQ có giao cho Văn phòng đăng kí đất đai tỉnh Vĩnh Phúc đo vẽ, Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám - Sở Tài nguyên và môi trường nghiệm thu đối với Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất của Công ty TNHH KL tại phường KQ, thành phố VY.

Khi thực hiện việc đo vẽ Mảnh trích đo địa chính số 47-2021, Văn phòng đăng ký đất đai đã căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn thi hành Luật đất đai và các tài liệu, văn bản về việc giao đất, thu hồi đất của UBND tỉnh đối với Công ty TNHH KL, các văn bản về việc thành lập Tổ Công tác giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong việc thu hồi đất đã giao cho Công ty TNHH KL và Kế hoạch

của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai công tác đo vẽ thành lập mảnh trích đo địa chính và xác định, cắm mốc ranh giới thu hồi đất Công ty TNHH KL tại các xã, phường. Quá trình đo đạc đã sử dụng các tài liệu đo đạc bản đồ qua các thời kỳ khu vực thi công gồm: Bản đồ địa giới hành chính 364 của các xã: phường: KQ - thành phố VY; xã Hương Sơn - huyện Bình Xuyên; xã KL - huyện Tam Dương; Bản đồ địa chính phường KQ đo đạc năm 2001 gồm các tờ bản đồ địa chính 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 11; Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000; 1/5000; 1/10.000; ảnh hàng không qua các thời kỳ 2000, 2011, 2016. Quy trình thực hiện đo đạc lập mảnh trích đo địa chính số 47-2021 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Quy định về thành lập bản đồ địa chính; Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Phương án thi công nhiệm vụ: Đo vẽ thành lập mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 và xác định, cắm mốc ranh giới thu hồi đất Công ty TNHH KL tại các xã, phường: ĐT, Liên Bảo và KQ, thành phố VY để giao cho UBND thành phố VY quản lý theo quy định và đo đạc kiểm tra xử lý các vi phạm sử dụng đất tại khu vực Núi Đúng, Núi Đinh trên địa bàn huyện Tam Dương, Bình Xuyên và thành phố VY. Thành phần tham gia trực tiếp tại thực địa gồm: Văn phòng Đăng ký đất đai (đơn vị đo vẽ); UBND thành phố VY; UBND phường KQ; Công ty TNHH KL.

Sau khi đo vẽ xong mảnh trích đo địa chính, xác định được ranh giới khu vực thu hồi đất của Công ty TNHH KL để giao cho UBND thành phố VY quản lý. Đơn vị thi công dùng máy GPS-RTK và máy toàn đạc điện tử xác định chính xác các vị trí cần chôn mốc bê tông trên ranh giới thu hồi đất được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính đã được kiểm tra nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy trình quy phạm. Kết quả đo đạc trích đo địa chính hiện trạng tại phường KQ: Diện tích giao theo Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc tại phường KQ là: 90,06 ha; diện tích đo đạc hiện trạng 65,96/90,06 ha, giảm 24,1 ha so với hồ sơ giao; so với hồ sơ thu hồi đất tại phường KQ diện tích là 51,06 ha/65,96 ha (14,90 ha diện tích đã được thu hồi giao đất cho tổ chức, cá nhân). Nguyên nhân diện tích giảm: Do sơ đồ quy hoạch giao đất được thu phóng trên nền địa hình tỷ lệ nhỏ và được can vẽ thủ công, không có tọa độ khống chế, dẫn đến kẻ vẽ, tính toán diện tích giao đất sai so với thực tế. Hiện trạng khu đất phía Đông giáp đường tỉnh lộ 302C (một phần diện tích đã được thu hồi thực hiện dự án cải tạo nâng cấp đường vào bãi rác Núi Bông); phía Tây giáp đất ruộng canh tác; phía Nam giáp hồ Đồng Keo, ruộng canh tác, khu dân cư Đạo Hoằng; phía Bắc giáp đất rừng phòng hộ. Như vậy Sơ đồ quy hoạch giao đất theo Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh là không chính xác.

Mảnh trích đo 47-2021 đã được UBND phường KQ, UBND thành phố VY, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát đối chiếu kiểm tra kỹ thuật, thống nhất ranh giới thu hồi đất của Công ty TNHH KL. Bản đồ đã được công khai theo quy định tại nhà văn hóa khu dân cư và tại UBND phường, đang tiến hành chỉnh sửa theo ý kiến góp ý trong quá trình công khai.

Từ những căn cứ pháp luật nêu trên, Sở TNMT xác định quy trình thực hiện đo đạc lập mảnh trích đo địa chính số 47-2021 đã đảm bảo đúng theo quy

định pháp luật về đo đạc và bản đồ, đúng phương án thi công đã được phê duyệt, được UBND thành phố VY, UBND phường, Công ty TNHH KL thống nhất nghiệm thu, ký xác nhận, sản phẩm được các bên bàn giao và nhận theo quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Đại diện UBND phường KQ vắng mặt tại phiên toà, căn cứ vào tài liệu đã thể hiện nội dung:

Về nguồn gốc, diện tích đất ông Phạm Văn N đang sử dụng:

Năm 1997 UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 V/v thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường Liên Bảo và xã KQ, thị xã VY để giao cho Công ty TNHH KL trồng mía theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt *(Trong đó có 90,06 ha đất thuộc xã KQ nay là phường KQ).* Ngày 04/3/1997 đại diện UBND xã KQ và đại diện Sở Địa chính Vĩnh Phúc, Phòng Địa Chính VY, Phòng Tài Chính VY, Tổ Nông nghiệp thị xã VY đã tiến hành bàn giao mốc giới tại thực địa 90,06 ha tại xã KQ (nay là phường KQ) cho Công ty TNHH KL. Sau đó UBND thị xã VY, UBND xã KQ, Công ty TNHH KL đã làm việc về nội dung đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,6 ha đất thu hồi theo Quyết định 169/QĐUB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, UBND thị xã VY (nay là thành phố VY) đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UB về việc phê duyệt giá đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,06 ha thu hồi tại địa điểm xã KQ. Đến năm 2018 do Công ty TNHH KL đã hết hạn sử dụng đất nên UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 thu hồi đất của Công ty TNHH KL và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai trong đó có đất thuộc phường KQ.

Năm 2021, Sở TNMT lập Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH KL tại phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc *(Đo đạc theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*, xác định thửa đất ông N đang sử dụng là thửa đất số 47, diện tích 1.092 m^2, loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

- Về trình tự, thủ tục thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn N:

Ngày 20/10/2022, UBND phường có Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 80/BB-VPHC ngày 20/10/2022. Ngày 20/10/2022, UBND phường có Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 79/BB-VPHC ngày 20/10/2022. Có nội dung:

+ Xác minh tại vị trí công trình trên đất thửa số 47, diện tích 1.092m^2, thuộc Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH KL tại phường KQ. Ông Phạm Văn N cung cấp nguồn gốc đất là đất đấu thầu của UBND phường TS với diện tích khoảng 7 sào (có Hợp đồng đấu thầu đất). Công trình trên đất là 01 nhà ở cấp 4 với diện tích 30m^2, 01 chuồng chăn nuôi với diện tích 77m^2, cây trồng và tường bao quanh Thời điểm xây dựng: từ năm 2000.

+ Khi lập biên bản ông Phạm Văn N có mặt làm việc và ký vào biên bản làm việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất.

Ngày 26/10/2022, UBND phường TS có Văn bản số 432/CV-UBND.

Ngày 27/10/2022, UBND phường KQ thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 94/BB-VPHC ngày 27/10/2022.

- Lập biên bản vi phạm hành chính ghi nhận: Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 v/v thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường Liên Bảo và xã KQ, thị xã VY để giao cho Công ty TNHH KL; Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 thu hồi đất của Công ty TNHH KL; Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 thu hồi đất Công ty TNHH KL tại phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc *(Đo đạc theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*; xác định ông Phạm Văn N vi phạm pháp luật đất đai.

+ Cụ thể: Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty THHH KL) tại khu vực đô thị với diện tích 1.092,0m^2 (0,1092ha) để sử dụng. Địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố Trại Giao, phường KQ. Tại thửa đất số 47 theo Mảnh trích đo địa chính số 47-2021. Thời điểm bắt đầu thực hiện hành vi vi phạm: Năm 2000. Thời điểm phát hiện: Ngày 27/10/2022. (Theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 14 và khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai).

+ Khi lập biên bản vi phạm hành chính ông Phạm Văn N có mặt nhưng không ký vào biên bản và không nhận biên bản vi phạm hành chính.

Ngày 28/10/2022, Chủ tịch UBND phường KQ có Tờ trình số 280/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Đối chiếu với quy định tại Điều 38, Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên N và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ, Chủ tịch UBND thành phố VY đã ra Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn N.

Ngày 05/11/2022, UBND phường KQ bàn giao Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về việc xử phạt vi phạm hành chính cho ông Phạm Văn N.

Hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 do ông Phạm Văn N không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường KQ có Tờ trình số 334/TTr- UBND trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3631/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N.

Quan điểm của UBND phường KQ: Việc Chủ tịch UBND thành phố VY ban hành Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY.

- Đại diện Công ty TNHH KL có quan điểm:

Công ty TNHH KL được Nhà N giao đất để thực hiện Dự án trồng mía, trồng cây ăn quả tại 03 xã phường: KQ, Liên bảo, ĐT thuộc thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay khu đất trên đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định thu hồi tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 do hết thời hạn sử dụng. Công ty TNHH KL đã phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đo đạc để lập bản đồ địa chính thu hồi đất, còn việc kiểm đếm hoa màu đến nay vẫn chưa thực hiện. Về chủ trương thu hồi đất khi hết thời hạn sử dụng và không được gia hạn theo quy định của luật đất đai Công ty hoàn toàn nhất trí theo chủ trương của Nhà N và pháp luật. Công ty TNHH KL không biết việc gia đình ông Phạm Văn N xây dựng và bị Chủ tịch UBND thành phố VY ra các Quyết định xử lý vi phạm, buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Các hộ dân tự ý lấn chiếm xây dựng trái phép thuộc thẩm quyền của chính quyền các cấp, Công ty không có ý kiến gì.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố VY đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính, xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N về việc đề nghị hủy Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 765/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố VY về việc đính chính Quyết định 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VY.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/11/2023, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Văn H - Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Về tố tụng: Trong vụ án của ông N, từ đầu tới khi ra bản án không hề có bà Lan tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai, không đưa vào tham gia tố tụng đối với bà Phùng Thị L2. Tuy nhiên, Tại Bản án sơ thẩm đã xác định bà Phùng Thị L2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc tại Bản án sơ thẩm đã đưa tên bà Lan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngoài ra, việc UBND tỉnh Vĩnh Phúc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Mội trường tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là vi phạm về việc ủy quyền do là hai cơ quan khác nhau.

Về nội dung: Đất của gia đình ông N đang sử dụng là đất nông nghiệp. Thực tế, đất của ông N và phần đất của Công ty KL được ngăn cách bởi 1 con đường. Vấn đề này, chúng tôi đã đề nghị Tòa án sơ thẩm xem xét, thẩm định trên thực địa nhưng không được chấp nhận. Trong kết luận của Thanh tra tỉnh Vĩnh Phúc chỉ có 28 trường hợp vi phạm, lấn chiếm đất của Công ty KL, trong đó không có tên gia đình ông N. Thực tế, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có 02 bản án hủy án sơ thẩm đề điều tra làm rõ đối với những hộ gia đình không có tên trong danh sách 28 hộ theo kết luận của Thanh tra. Về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình ông N: UBND phường KQ không lập biên bản tại thực địa mà chỉ dựa vào bản đồ để lập biên bản vi phạm. Đối với bản đồ 42-2000: Việc lập bản đồ đã không thực hiện đúng chỉ đạo của UBND tỉnh là phải chia 03 tổ và khi đo phải mời hộ dân, quay phim chụp ảnh lại quá trình đo đạc; thực tế là mất 38 mốc giới nhưng vẫn tính ra được diện tích thì tôi không rõ tính bằng phương pháp nào; việc giải thích về việc sai số 24 ha đất so với quyết định giao đất của Công ty KL là do địa hình đồi núi là không đúng; căn cứ vào bản đồ viễn thám thì không thể xác định được diện tích đất. Do đó, có căn cứ để khẳng định việc lập bản vẽ, trình tự, thủ tục, quy trình không chính xác. Đất gia đình ông N cách trường bắn 200m, không có cơ sở để cho rằng đất gia đình ông nằm trong đất của Công ty KL. Từ các phân tích trên, tôi đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đủ theo các quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Phiên tòa được mở lần thứ 3, mặc dù vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng đều có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích

các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Ngày 04/11/2022 ông Phạm Văn N nhận được Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Ngày 24/11/2022 ông N nhận được Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Ngày 03/4/2023 ông N nhận được Quyết định số 765/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 đính chính Quyết định 3421 và 3631. Ngày 05/01/2023 ông Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 3631/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; ngày 02/6/2023 ông Phạm Văn N khởi kiện bổ sung đối với Quyết định số 765/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 đính chính Quyết định 3421 và 3631. Đây là các quyết định hành chính do người đứng đầu cơ quan hành chính nhà N có thẩm quyền ban hành trong lĩnh vực quản lý nhà N về đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Phạm Văn N và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, ông N khởi kiện các quyết định nêu trên trong thời hạn một năm là trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết vụ án là trong thời hiệu, đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng, đủ theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - ông Nguyễn Văn H hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, người khởi kiện, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người đại diện hợp pháp của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ ba, nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[4] Xét kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện về việc Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, lấy lời khai đầy

đủ đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc tại Bản án sơ thẩm, phần những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên bà Phùng Thị L2 chỉ là sai sót trong khi soạn thảo văn bản, không phải là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận ông Hoàng Xuân H1– Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch tỉnh Vĩnh Phúc là đúng quy định của pháp luật về ủy quyền.

** Về nội dung vụ án:*

[5] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

[5.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ các Quyết định giao quyền số 3173/QĐ - GQXP ngày 20/10/2021 về giao quyền xử phạt hành chính; Quyết định số 980/QĐ - GQCC ngày 19/4/2022 về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố VY; Căn cứ các Điều 38, 57, 68, 70, 78 và 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm của ông Phạm Văn N thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố VY. Do vậy, việc Phó Chủ tịch UBND thành phố VY đã ký thay Chủ tịch ban hành các quyết định trên là đúng thẩm quyền. Các quyết định số 3421, 3631, 765 được Chủ tịch UBND thành phố VY ban hành đúng về thể thức văn bản, theo các mẫu ban hành kèm theo Nghị định số: 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Người khởi kiện cho rằng Quyết định số 765/QĐ-ĐC đính chính Quyết định số 3421 và Quyết định số 3631 là không đúng quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Nghị định 118/2021/NĐ- CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình soạn thảo các quyết định hành chính có sai sót tại phần ghi về "THẨM QUYỀN BAN HÀNH" của Quyết định số 3316/QĐ-XPHC ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3622/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 theo quy định phải ghi là "CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VY" nhưng quyết định lại ghi là "PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VY". Xác định lỗi trên là do kỹ thuật soạn thảo văn bản. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/11/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính thấy Quyết định số 765/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố VY về việc đính chính Quyết định số 3316 và Quyết định số 3622 là đúng quy định.

[5.2] Về trình tự thủ tục lập hồ sơ vi phạm hành chính:

[5.2.1] Ngày 26/10/2021, UBND phường KQ có Biên bản làm việc về việc

xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của gia đình ông Phạm Văn N và đến ngày 27/10/2022, thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 94/BB-VPHC theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 14 của NĐ số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xác định: ông Phạm Văn N có hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị với diện tích 1.092m^2 (0,1092 ha); địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố Trại Giao, phường KQ, tại thửa đất số 47, mảnh trích đo địa chính số 47-2021; thời điểm vi phạm: Năm 2000; thời điểm phát hiện: Ngày 27/10/2022. Khi lập biên bản ông N có mặt nhưng không ký vào biên bản và không nhận biên bản làm việc.

[5.2.2] Ngày 28/10/2022, Chủ tịch UBND phường KQ có Tờ trình số 280/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[5.2.3] Ngày 04/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố VY ban hành Quyết định số 3421/QĐ-XPVP về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chiếm đất trồng cây lâu năm của ông Phạm Văn N.

[5.2.4] Như vậy, việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố VY đã được thực hiện đúng về trình tự, thủ tục ban hành theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[6] Về căn cứ áp dụng hình thức xử phạt:

[6.1] Về nguồn gốc đất: Ông Phạm Văn N trình bày: Nguồn gốc đất là của ông Phạm Văn Â (đã chết năm 2009) vào khu vực Đồng Gục - Núi Đinh, nay thuộc phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc để làm bảo vệ đồng cho các hộ nông dân của phường TS canh tác. Trong thời gian đó, ông Â có khai hoang phục hóa đất để canh tác trồng lúa với mục đích phát triển kinh tế cho gia đình. Năm 1990, do tuổi cao sức yếu nên ông Â đã cho ông N quản lí, sử dụng toàn bộ diện tích nêu trên. Thời gian đầu ông N sử dụng đất để canh tác trồng lúa. Đến năm 2000, ông N xây công trình là nhà cấp bốn và chuồng chăn nuôi, trồng thêm cây ăn quả phục vụ cho việc phát triển kinh tế gia đình. Từ trước đến nay, gia đình ông N sử dụng ổn định, không tranh chấp với bất kì cá nhân, tổ chức nào. UBND phường KQ trình bày: không có tài liệu thể hiện việc có cá nhân nào khai hoang; ông N không đề nghị và UBND phường chưa bao giờ xác nhận cho ông N là người sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp; theo Mảnh trích đo địa chính số 47 – 2021 thể hiện: Diện tích đất gia đình ông N đang sử dụng là thửa số 47, tên chủ sử dụng là Công ty KL. Do đó, UBND phường KQ xác định ông N vi phạm pháp luật đất đai: Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị với diện tích 1.092m^2 (0,1092 ha). Hội đồng xét xử thấy:

[6.1.1] Việc cho đất giữa ông Â và ông N không được lập thành văn bản, ông N sử dụng các thửa đất trên từ năm 2000, gia đình ông cũng không được cơ quan nhà N có thẩm quyền giao đất, công nhận quyền sử dụng do đó không có căn cứ xác định diện tích đất 1.092m^2 địa chỉ: TDP Trại Giao, phường KQ, thành

phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc do ông N đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông N.

[6.1.2] Đối với bản đồ giao đất nông nghiệp của HTX TS (nay là phường TS) chứng minh diện tích gia đình ông N sử dụng **khu vực thửa số 107**: Tài liệu này không phù hợp hồ sơ quản lý đất đai và chính người đại diện của ông N thừa nhận tài liệu này cũng không thể hiện rõ vị trí, diện tích đất cụ thể gia đình ông N quản lý, sử dụng, chỉ xác định **khu vực thửa số 107**. Do vậy tài liệu này không có giá trị chứng minh gia đình ông N sử dụng diện tích đất từ năm 1978 nên không được chấp nhận.

[6.1.3] Về tính hợp pháp của Mảnh trích đo địa chính số 47-2021: Căn cứ trình bày của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, các tài liệu có trong hồ sơ thấy quy trình thực hiện đo đạc, lập mảnh trích đo địa chính số 47-2021 đã đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ, đúng phương án thi công đã được phê duyệt, được UBND thành phố VY, UBND phường KQ, Công ty KL thống nhất, ký xác nhận, sản phẩm được các bên bàn giao và nhận theo quy định; Mảnh trích đo 47-2021 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc nghiệm thu ngày 29/6/2021. Do đó, UBND phường KQ, thành phố VY trong quá trình thiết lập hồ sơ, đã căn cứ vào Mảnh trích đo 47-2021 (đang có giá trị pháp lý) là đúng quy định.

[6.2] Từ các phân tích trên, căn cứ Điều 100; Điều 101 Luật đất đai 2013; khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, Hội đồng xét xử thấy: thấy không có tài liệu, chứng cứ để xác định thửa đất nêu trên của ông N là đất khai hoang đã được chính quyền công nhận. Hồ sơ xử lý vi phạm do UBND phường KQ lập là có căn cứ, đúng quy định. Trên cơ sở hồ sơ xử lý vi phạm đã đảm bảo, Chủ tịch UBND thành phố VY đã căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ- CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3421/QĐ-XPVP ngày 04/11/2022 đối với ông N là có căn cứ, đúng quy định.

[7] Đối với việc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 6.660.126 đồng theo Quyết định số 3421/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022. Nay Chủ tịch UBND thành phố VY đã hủy phần xử phạt trên theo Quyết định số 1437/QĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023. Xét thấy việc Chủ tịch UBND thành phố VY đã căn cứ khoản 10, Điều 7 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2019/ NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để hủy phần xử phạt trên là có căn cứ, Quyết định số 1432 là hợp pháp.

[8] Đối với Quyết định số 3631/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông N, Hội đồng xét xử thấy: Do hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 3421, nhưng ông N không tự nguyện chấp hành nên ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường KQ có Tờ trình số 334/TTr-UBND, trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố VY căn cứ các Điều 28, 70, 85, 86 và 87 Luật xử lý vi phạm

hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 33, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định về Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đã ban hành Quyết định 3631 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự, quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Ông Nguyễn Văn H kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[10] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HCST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007302 ngày 04/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHÁN | **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Hùng **Ngô Quang Dũng** **Trần Xuân Thảo**